

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CP
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 348/2023/HNGĐ - ST

Ngày: 26 - 6 - 2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CP, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giũ;

Bà Nguyễn Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Yên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh An Giang.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CP xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 306/2023/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 307/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị Bích D, sinh năm 1979; (Xin vắng mặt).

Trú tại tổ 06, ấp Bình Chánh 1, xã Bình C, huyện CP, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Khưu Bình C, sinh năm 1979 (Xin vắng mặt).

Trú tại tổ 10, khóm Thạnh An, thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2023 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phan Thị Bích D trình bày: Bà và ông C do mai mối tiến tới hôn nhân và chung sống với nhau vào năm 1995, không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, về sau vợ chồng bất đồng quan điểm sống,

phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi vã nhau, cuộc sống không còn hạnh phúc, đã ly thân từ năm 2009 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà D yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà D và ông C chung sống có 01 con chung tên Khuru Minh Ph, sinh ngày 03/02/1995 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Khuru Bình C trình bày: Thống nhất với phần trình bày của bà D về thời gian chung sống, mâu thuẫn, ly thân, đồng ý ly hôn. Con chung có 01 con chung tên Khuru Minh Ph, sinh ngày 03/02/1995 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được.

Về tài sản chung không có, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa:

Bà D, ông C có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Khuru Bình C có hộ khẩu thường trú tại thị trấn VTT, huyện CP, tỉnh An Giang. Bà D khởi kiện xin ly hôn, Tòa án nhân D huyện CP thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà D và ông C chung sống năm 1995 nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình giải quyết vụ án ông C và bà D cho rằng vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, nay không còn tình cảm đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên cả hai đồng ý ly hôn. Xét thấy, bà D và ông C chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1995 và có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không đăng ký là không đúng với quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Bích D và ông Khuru Bình C.

- Về con chung: Bà D và ông C chung sống có 01 con chung tên Khuru Minh Ph, sinh ngày 03/02/1995 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Bà D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 51; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Phan Thị Bích D và ông Khuru Bình C.

Về con chung: Bà D và ông C chung sống có 01 con chung tên Khuru Minh Ph, sinh ngày 03/02/1995 hiện đã thành niên và có khả năng lao động được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Phan Thị Bích D phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005589 ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CP.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAT An Giang;
- THA huyện CP;
- VKSND huyện CP;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TC. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Mỹ